UBND TỈNH CAO BẰNG
BAN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI, NÔNG THÔN, DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2035

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2136 /QĐ-BCĐCTMTQG

Cao Bằng, ngày 03 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026 - 2035

TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI, NÔNG THÔN, DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI TỈNH CAO BẰNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2035

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 46/2026/QH16 ngày 24 tháng 8 năm 2026 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Nghị định số 387/2026/NĐ-CP ngày 12 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ quy định nội dung, cơ chế, chính sách thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Quyết định số 1966/QĐ-TTg ngày 12 tháng 10 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo Trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035;

Căn cứ Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế thành lập và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sửa đổi, bổ sung các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng thuộc lĩnh vực Nội vụ;

Căn cứ Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026 - 2035;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 7181/TTr-SNNMT ngày 23 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026 - 2035 *(sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo tỉnh)*.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 1532/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 06/8/2026 của Trưởng Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026-2030.

Điều 3. Các thành viên Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026 - 2035; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- BCĐ Trung ương thực hiện CT MTQG;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- VP UBND tỉnh: LĐVP, CV NCTH;
- Lưu: VT, KT(ntD).

TRƯỞNG BAN

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Lê Hải Hòa

UBND TỈNH CAO BẰNG
BAN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI, NÔNG THÔN, DÂN TỘC VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026 - 2035

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Tổ chức và hoạt động của Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026 - 2035

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2136 /QĐ-BCĐCTMTQG ngày 03/11/2026 của Trưởng Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026 - 2035)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc tổ chức và hoạt động; nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm; chế độ làm việc, thông tin, báo cáo, theo dõi, kiểm tra, đánh giá và quan hệ phối hợp công tác của Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026 - 2035 *(sau đây gọi tắt là Chương trình)*.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với Ban Chỉ đạo tỉnh; Trưởng ban, Phó Trưởng ban Thường trực; Phó Trưởng ban, các Ủy viên Thường trực, Ủy viên Ban Chỉ đạo tỉnh; cơ quan Thường trực, cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc làm việc

1. Ban Chỉ đạo tỉnh tổ chức và hoạt động theo Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng ban hành Quy chế thành lập và hoạt động của tổ chức phối hợp liên ngành thuộc thẩm quyền quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND ngày 17 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng; Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa –

xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026 - 2035 và Quy chế này.

2. Ban Chỉ đạo tỉnh làm việc theo chế độ thảo luận tập thể, đề cao trách nhiệm cá nhân của Trưởng ban, các Phó Trưởng ban và từng thành viên; bảo đảm sự chỉ đạo, điều hành tập trung, thống nhất của Trưởng ban. Các vấn đề thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo tỉnh được thảo luận tập thể; Trưởng ban xem xét, kết luận và chỉ đạo thực hiện. Các Phó Trưởng ban giải quyết công việc theo phân công hoặc ủy quyền của Trưởng ban.

3. Việc phân công và tổ chức thực hiện phải bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ sản phẩm và rõ kết quả; một nội dung, mục tiêu, chỉ tiêu chỉ giao một cơ quan chủ trì chịu trách nhiệm chính, cơ quan có liên quan thực hiện trách nhiệm phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Phân định rõ trách nhiệm chỉ đạo, điều phối chung, quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực, quản lý nguồn lực và tổ chức thực hiện; bảo đảm phối hợp chặt chẽ, kịp thời, thống nhất giữa các thành viên và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan.

4. Thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh làm việc theo chế độ kiêm nhiệm; tham gia đầy đủ các hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh; chủ động thực hiện nhiệm vụ được phân công; phối hợp chặt chẽ với các thành viên, Cơ quan Thường trực và cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh; kịp thời báo cáo và chịu trách nhiệm trước Trưởng ban về tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

5. Ý kiến của thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh đại diện cho cơ quan, đơn vị là ý kiến chính thức của cơ quan, đơn vị trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền và nội dung được phân công, ủy quyền. Đối với thành viên được mời tham gia Ban Chỉ đạo tỉnh, việc tham gia ý kiến, phối hợp công tác thực hiện theo khoản 4 Điều 6 Quy chế này.

6. Ban Chỉ đạo tỉnh, Cơ quan Thường trực và cơ quan giúp việc không làm thay chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và địa phương trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA BAN CHỈ ĐẠO TỈNH

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo tỉnh

1. Ban Chỉ đạo tỉnh thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa – xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026 – 2035.

2. Ban Chỉ đạo tỉnh hoạt động theo chương trình công tác hằng năm và phân công nhiệm vụ của Trưởng ban; tập trung chỉ đạo, điều phối, kiểm tra, đôn đốc và đề xuất giải pháp xử lý các vấn đề quan trọng, liên ngành trong quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

Điều 4. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban Chỉ đạo

1. Xem xét, quyết định các vấn đề thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo tỉnh.

2. Ban hành và chỉ đạo thực hiện chương trình công tác hằng năm của Ban Chỉ đạo tỉnh; phân công nhiệm vụ cho Phó Trưởng ban Thường trực, Phó Trưởng ban, các Ủy viên Thường trực và các Ủy viên Ban Chỉ đạo tỉnh.

3. Triệu tập, chủ trì và kết luận các phiên họp, cuộc họp của Ban Chỉ đạo tỉnh; chỉ đạo, điều phối giải quyết các vấn đề quan trọng, liên ngành và những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia.

4. Kiểm tra, đôn đốc Phó Trưởng ban Thường trực, Phó Trưởng ban, các Ủy viên Thường trực, Ủy viên Ban Chỉ đạo tỉnh thực hiện nhiệm vụ được phân công; yêu cầu báo cáo tình hình, tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ; xem xét, chỉ đạo xử lý các khó khăn, vướng mắc và vấn đề phát sinh thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo tỉnh.

5. Điều phối hoạt động giữa các Phó Trưởng ban, các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh, cơ quan Thường trực, cơ quan giúp việc cho Ban Chỉ đạo tỉnh trong giải quyết các vấn đề liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực.

6. Ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Chỉ đạo tỉnh; phân công hoặc ủy quyền cho Phó Trưởng ban ký văn bản, chủ trì phiên họp, cuộc họp và giải quyết công việc thuộc phạm vi nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo tỉnh theo quy định.

7. Chỉ đạo kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia; xem xét trách nhiệm theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân chậm tham mưu, chậm tổ chức thực hiện, chậm giải ngân, không thực hiện nghiêm chế độ báo cáo, báo cáo không đầy đủ, không trung thực hoặc để xảy ra sai phạm.

8. Báo cáo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và cơ quan có thẩm quyền về tình hình, kết quả hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh theo quy định hoặc khi có yêu cầu.

9. Quyết định thành lập tổ công tác liên ngành của Ban Chỉ đạo tỉnh để xử lý nhiệm vụ cụ thể, đột xuất, liên ngành khi cần thiết; tổ công tác tự chấm dứt hoạt động sau khi hoàn thành nhiệm vụ, không làm phát sinh đầu mối tổ chức và biên chế.

Điều 5. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Phó Trưởng ban

1. Nhiệm vụ, quyền hạn chung

a) Giúp Trưởng ban theo dõi, chỉ đạo, điều phối và đôn đốc việc thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia thuộc phạm vi được phân công.

b) Theo dõi, đôn đốc việc xây dựng và thực hiện chương trình công tác hằng năm, các kết luận của Trưởng ban và nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo tỉnh thuộc phạm vi phụ trách.

c) Chỉ đạo, phối hợp xử lý các vấn đề liên ngành, khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia thuộc phạm vi phụ trách.

d) Trường hợp nội dung công việc liên quan đến phạm vi phụ trách của Phó Trưởng ban khác, chủ động trao đổi, thống nhất phương án xử lý; trường hợp còn có ý kiến khác nhau hoặc vượt thẩm quyền, báo cáo Trưởng ban xem xét, quyết định.

đ) Chủ trì và kết luận các cuộc họp, hội nghị, hoạt động kiểm tra thuộc phạm vi được phân công; chủ trì phiên họp, cuộc họp của Ban Chỉ đạo tỉnh khi được Trưởng ban phân công hoặc ủy quyền.

e) Yêu cầu cơ quan Thường trực, cơ quan giúp việc và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan chuẩn bị nội dung, báo cáo, tài liệu phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh.

g) Ký ban hành văn bản của Ban Chỉ đạo tỉnh khi được Trưởng ban phân công hoặc ủy quyền.

h) Chịu trách nhiệm trước Trưởng ban về kết quả chỉ đạo, điều phối, đôn đốc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu, chỉ tiêu và kế hoạch vốn thuộc phạm vi được phân công phụ trách.

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công hoặc ủy quyền của Trưởng ban.

2. Phó Trưởng ban Thường trực

Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này, Phó Trưởng ban Thường trực có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Giúp Trưởng ban điều phối hoạt động chung và xử lý công việc thường xuyên của Ban Chỉ đạo tỉnh.

b) Chỉ đạo xây dựng, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện chương trình công tác hằng năm của Ban Chỉ đạo tỉnh.

c) Theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, chỉ đạo và nhiệm vụ do Trưởng ban giao.

d) Thay mặt Trưởng ban chủ trì phiên họp, cuộc họp và xử lý công việc của Ban Chỉ đạo tỉnh khi được phân công hoặc ủy quyền.

đ) Giúp Trưởng ban theo dõi, chỉ đạo, điều phối chung việc thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh.

e) Trực tiếp giúp Trưởng ban theo dõi, chỉ đạo, điều phối việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo phân công của Trưởng ban.

3. Phó Trưởng Ban Chỉ đạo tỉnh - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng Hà Nhật Lệ

Ngoài nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này, Phó Trưởng ban trực tiếp giúp Trưởng ban theo dõi, chỉ đạo, điều phối việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung về bảo tồn và phát triển văn hóa; hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo; chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển theo phân công của Trưởng ban.

Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy viên Thường trực, Ủy viên Ban Chỉ đạo tỉnh

1. Nhiệm vụ, quyền hạn chung của các Ủy viên Thường trực, Ủy viên Ban Chỉ đạo tỉnh (trừ các thành viên được mời tham gia Ban Chỉ đạo tỉnh quy định tại khoản 4 Điều này)

a) Tham mưu, đề xuất với Trưởng ban, các Phó Trưởng ban về cơ chế, chính sách, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thuộc ngành, lĩnh vực hoặc nội dung của Chương trình được phân công phụ trách.

b) Theo dõi, chỉ đạo, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, chỉ đạo và nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo tỉnh thuộc phạm vi phụ trách.

c) Chủ động xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý các vấn đề quan trọng, liên ngành, khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

d) Chịu trách nhiệm trước Trưởng ban, các Phó Trưởng ban về tiến độ, chất lượng, hiệu quả và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công; về tính đầy đủ, chính xác, thống nhất và kịp thời của thông tin, số liệu, báo cáo thuộc phạm vi phụ trách.

đ) Tham gia đầy đủ các phiên họp, cuộc họp và hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh; trường hợp không thể tham dự phải báo cáo người chủ trì và cử người có đủ thẩm quyền tham dự theo quy định.

2. Các Ủy viên Thường trực

Ngoài các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy viên Thường trực có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Giúp Trưởng ban, các Phó Trưởng ban theo dõi, chỉ đạo, điều phối, đôn đốc việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung của Chương trình thuộc ngành, lĩnh vực và phạm vi được phân công; chịu trách nhiệm chính trong tham mưu, quản lý, theo dõi, tổng hợp kết quả thực hiện đối với nội dung được giao chủ trì;

b) Theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ thuộc phạm vi được phân công; chủ trì các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, hoạt động thông tin, tuyên truyền, truyền thông, đoàn công tác, đoàn kiểm tra và các hoạt động khác của Ban Chỉ đạo tỉnh khi được Trưởng ban, Phó Trưởng ban phân công hoặc giao trong Chương trình công tác hằng năm;

c) Chỉ đạo cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý phối hợp với Cơ quan Thường trực và các cơ quan có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo tỉnh; kịp thời đề xuất xử lý các vấn đề cần chỉ đạo, điều phối liên ngành;

3. Các Ủy viên Ban Chỉ đạo tỉnh là lãnh đạo các sở, ban, ngành ngoài trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này, có trách nhiệm:

a) Giúp Trưởng ban, các Phó Trưởng ban theo dõi, chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, tổ chức thực hiện hoặc phối hợp thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia thuộc phạm vi quản lý, phụ trách theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao;

b) Theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ thuộc phạm vi được phân công; chủ trì hội nghị, hội thảo, hoạt động thông tin, tuyên truyền, truyền thông, đoàn công tác, đoàn kiểm tra và các hoạt động khác của Ban Chỉ đạo tỉnh khi được giao theo Quy chế này, Chương trình công tác hằng năm hoặc nhiệm vụ đột xuất;

c) Chỉ đạo cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý phối hợp với Cơ quan Thường trực và các cơ quan có liên quan; kịp thời báo cáo, đề xuất xử lý các khó khăn, vướng mắc, vấn đề cần phối hợp liên ngành hoặc vượt thẩm quyền;

4. Các Ủy viên Ban Chỉ đạo tỉnh là đại diện được mời của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức có liên quan tham gia các hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh; tham gia ý kiến, trao đổi thông tin và phối hợp công tác phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của từng cơ quan, tổ chức. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức thành viên có liên quan phối hợp tuyên truyền, vận động, tham gia giám sát việc thực hiện Chương trình theo quy định.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan Thường trực và cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh

1. Cơ quan Thường trực thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Tham mưu, giúp Ban Chỉ đạo tỉnh, Trưởng ban trong chỉ đạo, điều phối chung việc tổ chức thực hiện Chương trình theo quy định;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng Chương trình công tác hằng năm của Ban Chỉ đạo tỉnh, trình Trưởng ban xem xét, quyết định; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Chương trình công tác, kết luận, chỉ đạo và nhiệm vụ do Trưởng ban, các Phó Trưởng ban giao;

c) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu và các điều kiện phục vụ phiên họp, cuộc họp, hội nghị, hoạt động kiểm tra, đoàn công tác và các hoạt động khác của Ban Chỉ đạo tỉnh; phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan xây dựng, hoàn thiện dự thảo thông báo kết luận của Trưởng ban, các Phó Trưởng ban theo quy định;

d) Theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình, tiến độ, kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc quan trọng, liên ngành,

liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực của Chương trình mục tiêu quốc gia; phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan đề xuất phương án xử lý, báo cáo Trưởng ban, các Phó Trưởng ban xem xét, chỉ đạo;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị và địa phương trong theo dõi, kiểm tra, tổng hợp, đánh giá hằng tháng; tổng hợp báo cáo định kỳ quý I, 06 tháng, 9 tháng, hằng năm; tham mưu sơ kết giữa kỳ, tổng kết giai đoạn và thực hiện các chế độ báo cáo theo quy định;

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý, cập nhật, kiểm tra, tổng hợp thông tin, dữ liệu về mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, dự án, nguồn vốn, kết quả giải ngân và kết quả thực hiện Chương trình trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung theo quy định;

g) Bảo đảm các điều kiện phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh; quản lý, sử dụng kinh phí, cơ sở vật chất và lưu trữ hồ sơ, tài liệu của Ban Chỉ đạo tỉnh theo quy định;

h) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Trưởng ban, các Phó Trưởng ban giao.

2. Cơ quan giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh là Văn phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Cao Bằng sau khi được cấp có thẩm quyền quyết định thành lập, kiện toàn. Trong thời gian chưa được thành lập, kiện toàn, Sở Nông nghiệp và Môi trường bố trí đầu mối thực hiện nhiệm vụ giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh. Cơ quan giúp việc có nhiệm vụ:

a) Trực tiếp tham mưu, giúp Cơ quan Thường trực thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này; chuẩn bị dự thảo Chương trình công tác, nội dung, chương trình, tài liệu và các điều kiện phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh;

b) Theo dõi, cập nhật, tổng hợp tình hình thực hiện Chương trình công tác, kết luận, chỉ đạo và nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo tỉnh, Trưởng ban và các Phó Trưởng ban;

c) Tiếp nhận, tổng hợp, cập nhật và quản lý thông tin, số liệu, báo cáo; phối hợp quản lý, cập nhật dữ liệu về tình hình thực hiện Chương trình trên hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung theo quy định;

d) Phối hợp với cơ quan, đơn vị đầu mối của các sở, ban, ngành, địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan trong thực hiện nhiệm vụ giúp việc Ban Chỉ đạo tỉnh;

đ) Chuẩn bị nội dung, tài liệu, chương trình và các điều kiện phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh;

e) Tham mưu, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện nhiệm vụ Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh và các nhiệm vụ quản lý ngành, lĩnh vực thuộc trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Môi trường trong Chương trình theo phân công;

g) Thực hiện các nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giao.

Chương III
CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA BAN CHỈ ĐẠO TỈNH

Điều 8. Chế độ làm việc của Ban Chỉ đạo

1. Ban Chỉ đạo tỉnh hoạt động theo chế độ làm việc quy định tại khoản 3 Điều 2 của Quyết định số 2012/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2026 – 2035 và Quy chế này; thông qua các phiên họp, cuộc họp, hội nghị, hoạt động kiểm tra, làm việc, chế độ báo cáo và việc lấy ý kiến thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh bằng văn bản.

2. Chế độ họp và lấy ý kiến:

a) Ban Chỉ đạo tỉnh họp toàn thể định kỳ 06 tháng và hằng năm; họp đột xuất theo quyết định của Trưởng ban.

b) Nội dung, thành phần, thời gian, địa điểm và hình thức tổ chức phiên họp, cuộc họp của Ban Chỉ đạo tỉnh do Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban được Trưởng ban phân công, ủy quyền quyết định.

c) Cơ quan Thường trực chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan có liên quan chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu và các điều kiện phục vụ phiên họp, cuộc họp; gửi tài liệu đến các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh trước ít nhất 03 ngày làm việc, trừ trường hợp đột xuất. Trường hợp không thể tham dự, thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh phải báo cáo người chủ trì và cử người có đủ thẩm quyền tham dự.

d) Kết luận của Trưởng ban, các Phó Trưởng ban tại phiên họp, cuộc họp được thể hiện bằng thông báo của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc hình thức văn bản phù hợp theo quy định.

đ) Trường hợp không tổ chức họp hoặc cần xử lý công việc kịp thời, Trưởng ban, các Phó Trưởng ban quyết định lấy ý kiến thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh bằng văn bản. Thành viên được lấy ý kiến có trách nhiệm nghiên cứu, trả lời đầy đủ, đúng thời hạn; ý kiến tham gia phải rõ quan điểm, căn cứ và nội dung đề xuất.

3. Chế độ báo cáo

a) Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và địa phương có liên quan báo cáo tình hình, tiến độ và kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia thuộc phạm vi phụ trách.

Báo cáo phải thể hiện rõ kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung của Chương trình mục tiêu; tình hình phân bổ, sử dụng và giải ngân từng nguồn vốn; nhiệm vụ đã hoàn thành, nhiệm vụ chậm tiến độ; khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan; biện pháp xử lý, thời hạn hoàn thành và kiến nghị, đề xuất.

b) Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo tình hình phân bổ, giao, điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư công, dự toán ngân sách nhà nước, kết quả sử dụng, giải ngân nguồn vốn thực hiện Chương trình theo quy định của pháp luật về đầu tư công, ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

c) Các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh báo cáo tình hình, tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công; những khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân, trách nhiệm và đề xuất phương án xử lý thuộc phạm vi phụ trách.

d) Chế độ, thời hạn báo cáo được thực hiện như sau: Số liệu báo cáo quý I, 06 tháng và 9 tháng được chốt đến ngày 15 của tháng cuối kỳ; số liệu từ thời điểm chốt đến hết kỳ được ước thực hiện và cập nhật ở kỳ báo cáo tiếp theo. Số liệu báo cáo năm được chốt đến ngày 31 tháng 12 hằng năm.

- Báo cáo quý: các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi Cơ quan Thường trực trước ngày 20 của tháng cuối quý, trong đó rà soát toàn bộ mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, kế hoạch vốn, kết quả giải ngân và khả năng hoàn thành kế hoạch;

- Báo cáo 06 tháng: gửi Cơ quan Thường trực **trước ngày 20 tháng 6** hằng năm;

- Báo cáo 9 tháng: gửi Cơ quan Thường trực **trước ngày 20 tháng 9** hằng năm;

- Báo cáo năm: gửi Cơ quan Thường trực trước **ngày 15 tháng 01** của năm kế tiếp.

đ) Cơ quan Thường trực có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra, rà soát, đối chiếu và tổng hợp báo cáo; xây dựng báo cáo chung về tình hình hoạt động của Ban Chỉ đạo tỉnh và kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia, trình Trưởng ban, các Phó Trưởng ban và báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo thời hạn:

- Báo cáo quý I: gửi trước ngày 25 tháng 3 hằng năm.

- Báo cáo 06 tháng: gửi trước ngày 25 tháng 6 hằng năm.

- Báo cáo 9 tháng: gửi trước ngày 25 tháng 9 hằng năm.

- Báo cáo năm: gửi trước ngày 25 tháng 01 của năm kế tiếp.

e) Ngoài chế độ báo cáo định kỳ, các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh, các sở, ban, ngành, và cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan thực hiện báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Trưởng ban, các Phó Trưởng ban; đồng thời gửi Cơ quan Thường trực để theo dõi, tổng hợp.

g) Đối với khó khăn, vướng mắc nghiêm trọng, sự việc đột xuất, cấp bách hoặc nguy cơ có khả năng ảnh hưởng lớn đến tiến độ thực hiện, tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, kinh phí sự nghiệp hoặc khả năng hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu được giao, cơ quan, đơn vị, địa phương phải kịp thời báo cáo Cơ quan Thường trực và Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, chỉ đạo xử lý; đối với sự việc đột xuất, cấp bách, thực hiện báo cáo ngay và chậm nhất không quá 24 giờ kể từ khi phát hiện sự việc.

h) Nghiêm cấm việc chậm báo cáo, không báo cáo, che giấu thông tin, báo cáo không đầy đủ, không chính xác, không trung thực hoặc để khó khăn, vướng mắc tồn đọng kéo dài mà không chủ động đề xuất biện pháp xử lý.

i) Cơ quan, đơn vị, địa phương và người đứng đầu chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác, thống nhất, trung thực và kịp thời của thông tin, số liệu, báo cáo thuộc phạm vi quản lý, phụ trách.

k) Chế độ báo cáo quy định tại khoản này không thay thế chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan Trung ương và các văn bản chỉ đạo khác của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Chế độ kiểm tra, đánh giá

a) Hoạt động kiểm tra, làm việc của Ban Chỉ đạo tỉnh nhằm phục vụ công tác chỉ đạo, điều phối và đôn đốc; tập trung vào việc thực hiện chương trình công tác, kết luận, chỉ đạo và nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo tỉnh; việc phối hợp giữa các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và địa phương; các vấn đề chung, quan trọng, liên ngành trong tổ chức thực hiện Chương trình.

b) Thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh thực hiện hoạt động kiểm tra, làm việc theo chương trình, kế hoạch hoặc phân công của Trưởng ban, các Phó Trưởng ban; không tự tổ chức đoàn kiểm tra với tư cách thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh.

c) Cơ quan Thường trực chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và địa phương rà soát, xây dựng kế hoạch; đề xuất nội dung, thành phần, địa bàn và thời gian kiểm tra, trình Trưởng ban, các Phó Trưởng ban xem xét, quyết định.

d) Trường hợp phát hiện hoạt động có nội dung, đối tượng, địa bàn hoặc thời gian trùng lặp, chồng chéo, các thành viên có liên quan chủ động trao đổi, thống nhất phương án lồng ghép hoặc điều chỉnh. Trường hợp không thống nhất hoặc phát sinh vấn đề chung, quan trọng, liên ngành, có ý kiến khác nhau hoặc vượt thẩm quyền, Cơ quan Thường trực tham mưu Trưởng ban, Phó Trưởng ban được giao xem xét, chỉ đạo.

đ) Hoạt động kiểm tra, làm việc của Ban Chỉ đạo tỉnh không thay thế hoạt động thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá thuộc trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước và cơ quan có thẩm quyền.

e) Kết quả kiểm tra, làm việc được gửi Cơ quan Thường trực để tổng hợp, báo cáo Trưởng ban, các Phó Trưởng ban. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan có trách nhiệm xử lý kiến nghị theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao; báo cáo kết quả thực hiện đến Cơ quan Thường trực trong thời hạn được yêu cầu.

Điều 9. Quan hệ phối hợp công tác

1. Các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh tham gia đầy đủ các hoạt động chung của Ban Chỉ đạo tỉnh; chủ động thực hiện nhiệm vụ do Trưởng ban, các Phó Trưởng ban phân công; phối hợp chặt chẽ với Cơ quan Thường trực, cơ quan giúp việc và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2. Đối với công việc thuộc ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước của một sở, ban, ngành, cơ quan, cơ quan đó chủ trì xử lý theo thẩm quyền; phối hợp với cơ quan được giao chủ trì mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung của Chương trình và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình thực hiện.

3. Đối với công việc liên quan đến nhiều sở, ban, ngành, nhiều lĩnh vực hoặc nhiều mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, nội dung của Chương trình, cơ quan được giao chủ trì có trách nhiệm chủ động phối hợp, lấy ý kiến các cơ quan liên quan, tổng hợp và đề xuất phương án xử lý. Trường hợp còn có ý kiến khác nhau hoặc vượt thẩm quyền, cơ quan chủ trì báo cáo Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban phụ trách xem xét, quyết định; đồng thời gửi Cơ quan Thường trực để theo dõi, tổng hợp.

4. Cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến có trách nhiệm nghiên cứu, tham gia ý kiến đầy đủ, đúng thời hạn; chịu trách nhiệm về nội dung tham gia ý kiến theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền được giao.

5. Cơ quan Thường trực và cơ quan giúp việc có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, điều phối và tham mưu xử lý các vấn đề chung, liên ngành; không làm thay chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

6. Các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh, cơ quan, đơn vị và địa phương có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, số liệu, báo cáo; thường xuyên trao đổi, phối hợp xử lý khó khăn, vướng mắc, không để công việc tồn đọng, kéo dài hoặc đùn đẩy trách nhiệm.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm Quy chế này và các nhiệm vụ được Trưởng ban, các Phó Trưởng ban giao.

2. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban trong phạm vi nhiệm vụ, dự án, nguồn vốn được giao quản lý, tổ chức thực hiện về tiến độ, kết quả giải ngân, chất lượng công trình, dự án, hiệu quả sử dụng nguồn vốn, kết quả thực hiện mục tiêu, chỉ tiêu và việc chấp hành chế độ thông tin, báo cáo.

3. Các sở, ban, ngành và cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra, tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện; chủ động xử lý khó khăn, vướng mắc thuộc thẩm quyền và kịp thời báo cáo, đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý đối với các vấn đề vượt thẩm quyền.

4. Ủy ban nhân dân các xã, phường trực tiếp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình theo phân cấp, phân quyền, phân công; chịu trách nhiệm về

kết quả thực hiện trên địa bàn, việc quản lý, sử dụng nguồn lực và cập nhật đầy đủ, kịp thời thông tin, dữ liệu theo quy định; không thành lập tổ chức phối hợp liên ngành riêng để thực hiện Chương trình.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường, với tư cách là Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh, có trách nhiệm chủ trì theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này; định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo Trưởng ban, các Phó Trưởng ban về tình hình và kết quả thực hiện.

6. Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc cần sửa đổi, bổ sung Quy chế, các cơ quan, đơn vị, địa phương gửi đề xuất đến Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, phối hợp với các cơ quan có liên quan nghiên cứu, báo cáo Trưởng ban xem xét, quyết định.